

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91** /2024/DS-ST

Ngày: 25-9-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Địa chỉ trụ sở: **4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M**, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ **T1** và Tài chính vi mô - Phòng xử lý nợ **Ngân hàng TMCP K** (Theo Quyết định ủy quyền số 390/QĐ-NHKL ngày 30 tháng 01 năm 2024)

Địa chỉ liên hệ: **Số A N, phường V, quận T, TP.** (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: **Tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; Các biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** ông **Nguyễn Văn T** trình bày:

Nguyên vào ngày 19 tháng 6 năm 2017, ông **Nguyễn Văn T2** có ký Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 20017170000340 với **Ngân hàng TMCP K** (theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP K**), hạn mức thẻ được cấp là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Theo nội dung Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 20017170000340 ký ngày ngày 19 tháng 6 năm 2017 thì:

- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

- Loại thẻ: **Visa credit C**

- Mục đích vay: Tiêu dùng;

- Thời hạn vay: 36 tháng;

- Lãi suất cho vay & lãi suất quá hạn: 22%/năm.

- Căn cứ, điều kiện để tính lãi; các khoản phí mà ông **Nguyễn Văn T2** phải chịu khi ký Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 20017170000340 được áp dụng: Theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế; Quy định về biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại **Ngân hàng TMCP K**; Bảng biểu phí thẻ tín dụng quốc tế.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay: Không có tài sản đảm bảo

Sau khi giải ngân, ông **Nguyễn Văn T2** thường xuyên không thực hiện thanh toán theo đúng quy định của sản phẩm thẻ tín dụng Quốc tế **K1**, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc & Thông báo đến khách hàng nhưng ông **Nguyễn Văn T2** vẫn không thực hiện đúng. Và từ ngày 10/01/2019 đến nay, ông **Nguyễn Văn T2** không thanh toán bất kỳ khoản nào cho **Ngân hàng TMCP K** (từ thời điểm này Ngân hàng chúng tôi bắt đầu tính phí phạt chậm trả chưa thanh toán). Tạm tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2024), dư nợ thẻ của ông **Nguyễn Văn T2** tại cụ thể là:

+ Nợ gốc còn lại: 49.990.361 đồng

+Lãi phát sinh được điều chỉnh lại là : 69.229.758 đồng

+ Phí phát sinh còn lại: 99.903.734 đồng (phí phạt chậm trả chưa thanh toán 40.820.767 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 59.082.967 đồng;).

Tổng cộng nợ gốc, lãi, phí là : 219.123.853 đồng.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì **Ngân hàng TMCP K** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Văn T2** phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/11/2023 là: 198.334.937 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng) trong đó tiền nợ gốc là 49.990.361 đồng, tiền nợ lãi là

56.740.842 đồng và phí phát sinh là 91.603.734 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T2 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/11/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP K đề nghị:

- Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải trả cho Ngân hàng K số tiền tạm tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2024) là 219.123.853 đồng (Hai trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi ba đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là: 49.990.361 đồng, nợ lãi phát sinh là: 69.229.758 đồng, phí phát sinh là 99.903.734 đồng (gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 41.312.132 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 59.082.967 đồng) và tiếp tục tính tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.
- Trường hợp ông Nguyễn Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc khách hàng trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng TMCP K ông Nguyễn Văn T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T2 phải thanh toán cho Ngân hàng chúng tôi 02 khoản phí tính đến ngày xét xử (25/9/2024) tổng cộng là: 99.903.734 đồng (gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 40.820.767 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 59.082.967 đồng) và Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử (25/9/2024) tổng cộng là 112.813.864 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là: 49.990.361 đồng, nợ lãi phát sinh là: 62.823.503 đồng

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông Nguyễn Văn T2 trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn T2 vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T2 chưa chấp hành Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T2.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 Thông tư 01/2019 ngày 11/01/2019; Khoản 2 điều 71; các điều 217; 218, 147, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xem xét:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Văn T2 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K 02 khoản phí tính đến ngày xét xử (25/9/2024) tổng cộng là: 99.903.734 đồng (gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 40.820.767 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 59.082.967 đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Văn T2. Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử (25/9/2024) tổng cộng là 112.813.864 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là: 49.990.361 đồng, nợ lãi phát sinh là: 62.823.503 đồng. Kể từ ngày 26/9/2024, ông Nguyễn Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017170000340 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T2 với Ngân hàng TMCP K cho đến khi ông Nguyễn Văn T2 thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T2 phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Văn T2 và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là ông Nguyễn Văn T với nội dung: Ngân hàng TMCP K đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T2 phải thanh toán cho Ngân hàng 02 khoản phí tính đến ngày xét xử (25/9/2024) tổng cộng là: 99.903.734 đồng (gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 40.820.767 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 59.082.967 đồng) nên HĐXX xét thấy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng TMCP K là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 71; Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông Nguyễn Văn T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử (25/9/2024) tổng cộng là 112.813.864 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là: 49.990.361 đồng, nợ lãi phát sinh là: 62.823.503 đồng và kể từ ngày 26/9/2024, ông Nguyễn Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017170000340 ngày 19 tháng 6 năm 2017 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T2 với Ngân hàng TMCP K cho đến khi ông Nguyễn Văn T2 thanh toán xong khoản nợ gốc. HĐXX xét thấy: Căn cứ Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017170000340 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T2 với Ngân hàng TMCP K - K có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401,402,405 của bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch. Trong quá trình sử dụng thẻ tổng số nợ gốc phát sinh là 510.243.633 đồng, số tiền gốc đã trả 460.253.272 đồng, vậy ông T2 còn nợ tiền gốc 49.990.361 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 trả số tiền nêu trên là có căn cứ phù hợp với các điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật

các tổ chức tín dụng năm 2010, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về trả nợ gốc và lãi, buộc ông T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T3 số tiền 112.813.864 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là: 49.990.361 đồng, nợ lãi phát sinh là: 62.823.503 đồng và kể từ ngày 26/9/2024, ông T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017170000340 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T2 với Ngân hàng TMCP K cho đến khi ông Nguyễn Văn T2 thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T2 phải chịu là 5.640.693 đồng (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng*).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.958.373 đồng (*Bốn triệu, chín trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi ba đồng*) cho Ngân hàng TMCP K.

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về nội dung phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Khoản 2 Điều 71; Điều 217; Điều 218, Điều 147, Điều 244, Khoản 2 Điều 227; Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Nguyễn Văn T2 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K 02 khoản phí tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2024) tổng cộng là: 99.903.734 đồng (*Chín mươi chín triệu chín trăm lẻ ba ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng*) (gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 40.820.767 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 59.082.967 đồng).

2/ Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Văn T2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2024) tổng cộng là **112.813.864 đồng**. (*Một trăm mười hai triệu tám trăm mười ba ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó bao gồm nợ gốc là: 49.990.361 đồng, nợ lãi phát sinh là: 62.823.503 đồng.

Kể từ ngày 26/9/2024, ông Nguyễn Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017170000340 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T2 với Ngân hàng TMCP K - K vào ngày 19 tháng 6 năm 2017 cho đến khi ông Nguyễn Văn T2 thanh toán xong khoản nợ gốc.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.640.693 đồng (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.958.373 đồng (*Bốn triệu, chín trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi ba đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001567 ngày 20/5/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ.

4/ Ngân hàng TMCP K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Hai

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về tiền lãi phát sinh:
Ngân hàng K yêu cầu bị đơn ông **Nguyễn Văn T2** phải thanh toán khoản tiền lãi với tổng số tiền 69.229.758 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng điều chỉnh số tiền lãi yêu cầu bị đơn phải trả với tổng số tiền 62.823.503 đồng. Nhận thấy: Theo cam kết tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** do các bên thỏa thuận và Biểu lãi suất cho vay mà Ngân hàng cung cấp thì lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm là 22%/năm. Việc kí kết thỏa thuận về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khoản 2, 3 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở để chấp nhận. Số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 10/01/2019 đến ngày xét xử 25/9/2024 được chấp nhận cụ thể như sau: $49.990.361 \text{ đồng} \times 22\% : 365 \text{ ngày} \times 2085 \text{ ngày} = 62.823.503 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về các khoản tiền phí:
Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản tiền phí với tổng số tiền là: 99.903.734 đồng. Trong đó: Phí chậm thanh toán là: đồng; phí vượt hạn mức: đồng. Việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, do đó đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Như vậy, tổng số tiền **Ngân hàng K** yêu cầu được chấp nhận là: 112.813.864 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 49.990.361 đồng; nợ lãi: 62.823.503 đồng.

HĐXX Hỏi N hàng

Ông **T2** đã rút bao nhiêu nợ gốc

Đã trả nợ gốc bao nhiêu?

Nợ gốc còn nợ bao nhiêu?

Đối với trả lãi? Ông **T2** vi phạm vào ngày tháng năm nào?

Theo quy định tại Điều bao nhiêu tại HĐ đã ký?
Tính lãi từ ngày tháng năm nào đến thời gian nào?
Lãi suất bao nhiêu %/năm
Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng thẻ từ thời gian nào?

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Nga

Tôi xin cung cấp cho Tòa án một số nội dung sau:

Ngày 19/4/2017, ông Huỳnh Thanh Tú có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Tú vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Tú vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử

dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông Tú phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông Tú đã rút qua thẻ trong 4 lần, cụ thể:

Ngày 31/5/2017 rút số tiền 19.016.000đ

Ngày 31/7/2017 rút số tiền 500.000đ

Ngày 31/12/2017 rút số tiền 2.709.401đ

Ngày 31/01/2018 rút số tiền 357.800đ

Tổng cộng nợ gốc ông Tú đã vay thẻ hiện qua các lần rút tiền trong tài khoản là 22.633.201đ;

Quá trình vay, ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả 1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ.

Tuy nhiên hiện nay số tiền nợ gốc ông Tú phải trả cho Ngân hàng là: 21.401.662đ (gồm 14.333.201đ tiền đã rút từ tài khoản và 7.068.461đ tiền nợ lãi bị chuyển sang thành nợ gốc theo cam kết tại thỏa thuận vay)

Về số tiền lãi ông Tú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chúng tôi là: 10.165.760đ số tiền lãi này được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 27/8/2019 trong đó lãi trong hạn là 6.099.456đ; lãi quá hạn là 4.066.304đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Tú phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông Tú phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 27/8/2019 (ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán là: 31.567.382đ.

